TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1211** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng

2. Ông Đào Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Quốc Tây A, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khu căn hộ và Trung tâm thương mại, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng Quí C, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu căn hộ và Trung tâm thương mại, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06-5-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Quốc Tây A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Quí C tự nguyện chung sống năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011, quyển số 01/2011 ngày 14-02-2011. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà ở nhiều nơi và nơi ở hiện nay tại khu căn hộ và Trung tâm thương mại, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vợ chồng chung sống được một năm thì đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C không quan tâm chăm lo cho gia đình, tất cả mọi việc đều do một mình bà giải quyết, bà đã nhiều lần chia sẽ với ông C nhưng ông C vẫn không thay đổi. Nay bà cảm thấy quá mệt mỏi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông C không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung : Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hòa giải được do ông C vắng mặt nên nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay :

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ và nghe đương sự trình bày thể hiện: Bà A và ông C chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống, giữa bà A và ông C phát sinh mâu thuẫn. Nay bà A yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nợ chung : Không có. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011, quyển số 01/2011 ngày 14-02-2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho bà A và ông C thì quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông C có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà A yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C vẫn

vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông C không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà A yêu cầu ly hôn do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, chia sẽ nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa, bà A xác nhận không còn tình cảm với ông C, không muốn tiếp tục chung sống với ông C. Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C vắng mặt điều đó thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là "vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc", trong trường hợp này giữa bà A và ông C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

- *Về quan hệ con chung:* Ghi nhận lời khai của bà A xác nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận lời khai của bà A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011082 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Quốc Tây A.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Quốc Tây A được ly hôn với ông Đặng Quí C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Quốc Tây A và ông Đặng Quí C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011, quyển số 01/2011 ngày 14-02-2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho bà A và ông C chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: Ghi nhận lời khai của bà A xác nhận không có.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận lời khai của bà A xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Đặng Quốc Tây A chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011082 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Đặng Quốc Tây A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Quí C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định ;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai